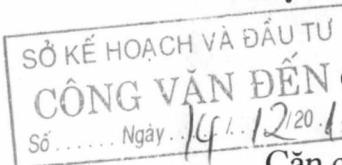


Đăk Nông, ngày 08 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế trang trại
trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030**



Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại; Thông tư số 61/2000/BNN-KH ngày 06 tháng 6 năm 2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch phát triển kinh tế trang trại.

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán Quy hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030;

Trên cơ sở Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về trình tự lập, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh; Biên bản họp thẩm định Quy hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm định số 334/BCTĐ ngày 10/11/2016 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 152/TTr-SKH-THQH ngày 10 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Quan điểm, định hướng phát triển kinh tế trang trại:

1.1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Phát triển trang trại phù hợp với điều kiện từng địa phương và phát huy tiềm năng của các cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh, hình thành các vùng trang trại tập trung.

- Phát triển kinh tế trang trại phải tiến đến sản xuất hàng hóa, gắn với việc xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và góp phần thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

1.2. Định hướng phát triển: Lồng ghép quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch mặt hàng nông nghiệp chủ lực của tỉnh nhằm xác định lợi thế của các địa phương, phương hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp để định hướng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển kinh tế trang trại theo hướng tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung, tăng khả năng cạnh tranh, khắc phục tình trạng trang trại phát triển tự phát.

- Phát huy tối đa mọi tiềm năng, nguồn lực phát triển kinh tế trang trại, từng bước hình thành nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa với hình thức sản xuất chủ yếu là kinh tế trang trại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng số lượng trang trại chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp nhằm đa dạng hóa các loại hình trang trại và nâng cao hiệu quả việc khai thác các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2030, số lượng trang trại đạt từ 1.200 – 1.600 trang trại; tổng giá trị sản xuất của các trang trại chiếm từ 12 -14% cơ cấu tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại các trang trại, đặc biệt là các trang trại trồng trọt và trang trại tổng hợp, giá trị sản xuất bình quân/ lao động tăng 100 – 300 triệu đồng/lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các trang trại đạt 70% vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030.

- Tăng tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tại các trang trại, đến năm 2025 đạt 60% và đạt 90% vào năm 2030.

- Phấn đấu đến năm 2020, trên 70% trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại và phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch.

- Xây dựng thương hiệu cho các vùng chuyên canh trên địa bàn tỉnh, đến năm 2020 có khoảng 50% sản phẩm chủ lực xây dựng được thương hiệu và đến năm 2025 có 70% sản phẩm chủ lực xây dựng được thương hiệu.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch sản xuất phát triển kinh tế trang trại

a) Định hướng sản xuất phát triển kinh tế trang trại theo vùng sản xuất tập trung

- Vùng trang trại cây công nghiệp: chuyên canh cao su, hồ tiêu, cà phê, tập trung tại các huyện Krông Nô, Đăk Mil, Đăk Song, Đăk R'lấp.

- Vùng trang trại cây hàng năm: trồng lúa, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày tại các huyện Krông Nô, Cư Jút, Đăk R'láp, Đăk Song.

- Vùng trang trại chăn nuôi: chăn nuôi bò tại Cư Jút, Krông Nô; chăn nuôi heo tại các huyện Đăk R'láp, Tuy Đức, Đăk Glong, Đăk Song, Cư Jút; chăn nuôi gia cầm tại các huyện Đăk R'láp, Cư Jút, Krông Nô, Đăk Mil, Đăk Glong.

- Vùng trang trại trồng trọt chăn nuôi kết hợp: chủ yếu trồng cây ăn quả: Sầu riêng, bơ, xoài, cam quýt... kết hợp chăn nuôi heo, bò, gia cầm và thả cá, tập trung tại các huyện Đăk R'láp, Cư Jút, Đăk Mil.

b) Trồng trọt

Đẩy mạnh phát triển các cây trồng chủ lực của địa phương theo hướng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm bằng các phương pháp: cải tạo giống, áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế: VietGAP, Global GAP, 4C, Rain Forest,... Từng bước hình thành thương hiệu, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến tại chỗ và đưa nông sản của ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đến các thị trường tiêu thụ lớn trong nước và xuất khẩu.

Tổng diện tích dự kiến cho phát triển các trang trại trồng trọt trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đến năm 2025 là 6.990 ha; đến năm 2030 là 8.250 ha; tập trung chủ yếu tại Đăk Mil, Đăk Song, Krông Nô, Đăk R'láp với tổng số trang trại dự kiến đến năm 2025 là 1.030 trang trại và đạt 1.121 trang trại vào năm 2030.

c) Chăn nuôi

Định hướng sau năm 2020 trên địa bàn tỉnh chủ yếu chăn nuôi theo vùng tập trung, dần xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ. Dự kiến đến 2025 số lượng vật nuôi theo hướng chăn nuôi trang trại là: bò thịt là 24.457 con; bò sữa là 1.200 con; heo thịt là 364.475 con; gia cầm các loại là 2 triệu con. Đến 2030, số lượng vật nuôi theo hướng chăn nuôi trang trại là: bò thịt là 32.900 con; bò sữa là 6.000 con; heo thịt là 579.475 con; gia cầm các loại là 2,6 triệu con. Đến năm 2030, dự kiến có 200 trang trại chăn nuôi với diện tích khoảng 2.030 ha, trong đó có 4 vùng chăn nuôi chủ lực bao gồm: Cư Jút, Đăk R'láp, Đăk Song và Đăk Glong.

d) Thủy sản

Dự kiến diện tích cho trang trại nuôi trồng thủy sản khoảng 2.300 ha vào năm 2025 và khoảng 2.500 ha vào năm 2030, với sản lượng đạt 3.000 – 3.500 tấn cá các loại/năm. Ưu tiên phát triển trang trại tập trung tại các điểm dọc ven sông Sêrêpôk tại khu vực 2 huyện Cư Jút và Krông Nô và các hồ đập thủy điện, thủy lợi tại các huyện, tập trung chủ yếu nuôi các giống cá nước ngọt có giá trị dinh dưỡng cao: cá rô phi, cá chim trắng, cá diêu hồng, cá chép, cá trắm và một số loài cá đặc sản: cá lăng, cá bống tượng,...

e) Lâm nghiệp

Rừng sản xuất tập trung được chia thành các tiểu vùng và được quy hoạch để phát triển lâm nghiệp trên cơ sở lợi thế về tài nguyên rừng, tài nguyên đất cũng như hướng tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp. Dự kiến đến 2025 toàn tỉnh sẽ phát triển khoảng 4.080 ha đất lâm nghiệp để phát triển kinh tế trang trại lâm nghiệp với các

hoạt động kinh doanh: trồng rừng sản xuất, sản xuất nông lâm kết hợp, trồng lâm sản ngoài gỗ,... Tổng số trang trại lâm nghiệp đến 2030 là 33 trang trại tập trung chủ yếu ở Krông Nô, Đăk Song, Tuy Đức, Đăk Glong.

3.2. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển trang trại

Dự kiến đến 2025, toàn tỉnh cần 12.904 ha cho phát triển kinh tế trang trại, trong đó: đất trồng trọt là 6.990 ha; đất chăn nuôi là 1.624 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 210 ha và đất sản xuất lâm nghiệp là 4.080 ha.

Đến năm 2030 toàn tỉnh cần bố trí khoảng 17.160 ha đất dành cho phát triển các trang trại, trong đó: đất trồng trọt 8.250 ha; đất chăn nuôi là 2.030 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 300 ha và đất sản xuất lâm nghiệp là 6.580 ha.

3.3. Quy hoạch phát triển các yếu tố đầu vào

a) Quy hoạch nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế trang trại

- Từ nay đến năm 2025: dự kiến có 1.245 trang trại và cần khoảng 20.480 lao động làm việc trong các trại năm 2025. Đây là giai đoạn hình thành và hỗ trợ cho các trang trại bước vào sản xuất ổn định, do đó giai đoạn này vẫn sử dụng nguồn lao động tại chỗ là chính, đồng thời có kế hoạch đào tạo để nâng cao trình độ lao động.

- Đến năm 2030: Dự kiến có 1.658 trang trại và cần khoảng 12.854 lao động. Do giai đoạn này các trang trại đã hoạt động ổn định, công nghệ và tỷ lệ cơ giới hóa được nâng cao, do đó số lượng lao động bình quân/trang trại sẽ giảm xuống.

b) Định hướng phát triển công nghệ cho sản xuất và chế biến nông sản.

- Ứng dụng các công nghệ giống: công nghệ sinh học hiện đại, ưu thế lai và cây trồng chuyển gene trong chọn tạo giống cây trồng, các giống ngoại lai trong chọn giống vật nuôi...

- Ứng dụng các công nghệ sản xuất: công nghệ sinh học trong phòng trừ dịch hại, công nghệ tưới nhỏ giọt, công nghệ xây dựng chuồng trại theo hướng khép kín, hiện đại trong chăn nuôi...

- Ứng dụng công nghệ vào chế biến và sơ chế các sản phẩm như công nghệ chế biến thức ăn gia súc từ phụ phẩm nông nghiệp hoặc các sản phẩm từ nông nghiệp, công nghệ chế biến ướt cà phê, công nghệ trữ lạnh và xử lý đóng gói đối với rau, củ quả,...

c) Mạng lưới dịch vụ cung cấp đầu vào cho phát triển trang trại

- Xây dựng hệ thống các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, tư vấn sử dụng sản phẩm đối với các dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp tại trung tâm các huyện, mỗi huyện có từ 1 - 3 cửa hàng.

- Quy hoạch mạng lưới cung ứng giống trên cơ sở chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản.

3.4. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế trang trại

a) Giao thông

Sau 2015, từng bước hiện đại hóa hệ thống giao thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu của sản xuất hàng hóa và phục vụ phát triển kinh tế, xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến 2020 nâng cấp một số tuyến đường liên huyện, 80% trở lên đường huyện được rải nhựa, còn lại cấp phối, nhựa hóa một số trực chính, quan trọng đối với đường xã, 100% các bon, buôn có từ 1-2 km đường nhựa trở lên tại khu trung tâm.

b) Thuỷ lợi

- Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất ổn định và an toàn trong mùa mưa lũ, tận dụng các điều kiện hướng đến năm 2030 đảm bảo nguồn nước 100% cho nhu cầu tưới.

- Khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi, tận dụng các điều kiện thủy lợi để nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch.

c) Quy hoạch hệ thống điện

Hoàn thiện mạng lưới điện đến các xã, các thôn, buôn, bon và các điểm dân cư tập trung. Đến năm 2020: 100% số xã, thôn, buôn, bon có điện và sử dụng điện lưới quốc gia cho sinh hoạt. Tiếp tục thực hiện các dự án về thủy điện, khuyến khích phát triển thủy điện nhỏ phục vụ các khu vực vùng sâu, vùng xa. Sau năm 2020, 100% hộ được sử dụng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

3.5. Phát triển kinh tế trang trại gắn với bảo vệ môi trường

- Đối với các trang trại trồng trọt: Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và chỉ sử dụng các loại trong danh mục cho phép, đồng thời tiến hành thu gom, xử lý bao bì thuốc Bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng cách. Xây dựng những mô hình trình diễn về sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nông dân trong sản xuất theo hướng nông nghiệp sinh thái bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đối với các trang trại chăn nuôi: Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi để giảm mùi hôi thối, diệt khuẩn có hại và tăng khả năng phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi. Thực hiện nghiêm túc các quy trình trong chăn nuôi thủy sản, đảm bảo bảo vệ môi trường tốt nhất.

4. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư: Năm 2016, xây dựng mô hình trình diễn với mô hình trang trại trồng trọt ứng dụng công nghệ cao. Năm 2017, xây dựng mô hình trình diễn với mô hình trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời, giai đoạn 2016-2017 tập trung xây dựng chuỗi liên kết giữa các nhà đảm bảo nguồn vốn, các yếu tố đầu ra, đầu vào. Giai đoạn 2017-2018 tiếp tục các mô hình trình diễn, tập trung phát triển mô hình trang trại tổng hợp ứng dụng công nghệ cao.

5. Giải pháp thực hiện quy hoạch

5.1. Giải pháp sử dụng đất

- Rà soát và hoàn chỉnh quy hoạch đất đai trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho chính quyền các cấp quản lý giao đất, thuê đất, sử dụng đất của các tổ chức và đơn vị kinh tế, đồng thời nhanh chóng tiến hành giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất chưa được cấp theo quy định.

- Thực hiện chính sách ưu đãi về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước cho phát triển trang trại tại địa phương; chính sách giao đất ưu đãi đối với các nhà đầu tư theo quy định.

- Khuyến khích các chủ trang trại khai thác, sử dụng đất hoang, đất trống, đồi núi trọc, mặt nước để phát triển trang trại. Khuyến khích các trang trại trao đổi đất, chuyển từ sản xuất nông hộ lên sản xuất kinh tế trang trại, khắc phục tình trạng manh mún đất một cách thuận lợi.

5.2. Giải pháp về vốn

- Thực hiện cơ chế vay vốn theo dự án đầu tư phù hợp với chu kỳ kinh doanh của từng loại sản phẩm của trang trại; có chính sách vay vốn với lãi suất ưu đãi từ các ngân hàng, khuyến khích các ngân hàng mở rộng hình thức cho trang trại vay dưới hình thức tín chấp, đơn giản thủ tục vay vốn.

- Khuyến khích hình thành tổ chức tương trợ về vốn từ các trang trại dưới dạng xây dựng quỹ chung và cho vay nội bộ với lãi suất thấp.

- Thực hiện các chính sách ưu đãi về hạn điền và thời gian thuê đất, hỗ trợ tích tụ đất đai, thuế, vốn vay, bảo hiểm rủi ro... nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp, phát triển trang trại.

- Xây dựng mô hình quan hệ chặt chẽ giữa chủ trang trại, doanh nghiệp và ngân hàng trên cơ sở xác lập mối quan hệ kinh tế có tính pháp lý.

5.3. Giải pháp về đào tạo lao động

- Chú trọng xây dựng các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại bằng cách lồng ghép xây dựng trong kế hoạch công tác của các đơn vị liên quan.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các chủ trang trại những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và quản lý sản xuất, về cách tiếp cận với kinh tế thị trường, tiếp cận với khoa học kỹ thuật - công nghệ mới,...đồng thời đối với những người lao động trong các trang trại cũng cần khuyến khích, hỗ trợ tham gia huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo trở thành những lao động có kỹ thuật và có tay nghề.

5.4. Giải pháp chuyển giao công nghệ

- Sớm hình thành cơ chế thích hợp thực hiện chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ mới phù hợp cho các trang trại, hỗ trợ cho các trang trại tiếp cận công nghệ, máy móc hiện đại áp dụng vào sản xuất. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư chuyển giao, hướng dẫn tiến bộ kỹ thuật công nghệ, giống cây trồng vật nuôi cho các chủ trang trại và người lao động.

- Nghiên cứu, đưa vào ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện đại phù hợp trong bảo quản, sơ chế, chế biến hạn chế tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị của hàng hóa, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu, chú trọng ứng dụng các phương pháp xử lý môi trường cho các vùng chăn nuôi gia súc gia cầm và thủy sản, và các làng nghề, các cụm tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn; xây dựng phương pháp đánh giá và dự báo các tác động xấu đến môi trường sinh thái do các hoạt động sản xuất sinh ra.

5.5. Giải pháp về thị trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu hàng hóa trên thị trường trong ngoài nước đối với các sản phẩm chủ lực, từ đó hình thành các vùng nguyên liệu tập trung. Khuyến khích các trang trại sản xuất theo hợp đồng với các quy định về tiêu chuẩn chất lượng để cung ứng nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến tiêu thụ nông lâm thủy sản. Nhân rộng các dạng liên kết giữa doanh nghiệp và trang trại để đảm bảo chất lượng và nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng.

- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu cho các trang trại có lượng hàng hóa lớn, hỗ trợ quảng cáo thông qua truyền thông và báo chí, internet.. hỗ trợ sản phẩm từ các trang trại được tham dự các hội chợ triển lãm nông lâm thủy sản trong nước và khu vực.

- Khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh cung cấp dịch vụ bảo hiểm rủi ro về giá nông sản cho các chủ trang trại theo nguyên tắc thỏa thuận tự nguyện, đôi bên cùng có lợi.

- Khuyến khích các trang trại hợp tác và liên kết với nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tạo điều kiện và hướng dẫn chủ trang trại cung cấp trực tiếp sản phẩm làm ra và xuất khẩu.

- Cung cấp thông tin về thị trường đầy đủ và ngày càng có chất lượng.

5.6. Giải pháp về quản lý

- Rà soát, đánh giá và đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận cho các trang trại đảm bảo các tiêu chí kinh tế trang trại theo quy định. Đồng thời, quy định rõ giá trị pháp lý của giấy chứng nhận kinh tế trang trại, cho phép chủ trang trại được sử dụng giấy chứng nhận kinh tế trang trại để vay vốn tín dụng.

- Định hướng về mô hình tổ chức sản xuất trang trại, phát triển kinh tế trang trại phải gắn với quy hoạch đất, gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Hoàn thiện cơ chế các chính sách về đất đai, tín dụng, lao động, thông tin thị trường, các chính sách khuyến nông – lâm – ngư để tăng cường vai trò quản lý, hỗ trợ của các cơ quan nhà nước.

- Cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với kinh tế trang trại, đảm bảo cho kinh tế trang trại phát triển đúng hướng, đúng pháp luật và đạt hiệu quả cao.

5.7. Giải pháp về chính sách

- Chính sách đầu tư: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân và các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại, mở rộng sản xuất, kinh doanh trang trại;
- Chính sách tín dụng: khuyến khích các ngân hàng có chính sách ưu đãi về lãi suất, vốn vay cho các trang trại.
- Chính sách thuế: hoàn thiện các cơ chế chính sách về thuế nông nghiệp, thuế đất; thực hiện chính sách miễn thuế thu nhập cho các trang trại theo các giai đoạn theo quy định.
- Chính sách về khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu: Chủ động hỗ trợ kinh phí để các trang trại xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm.

5.8. Giải pháp tổ chức sản xuất

- Khuyến khích các liên kết hợp tác trong sản xuất kinh doanh như liên kết giữa các trang trại trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua các hiệp hội, các hợp tác xã; liên kết trang trại với các doanh nghiệp chế biến, hình thành chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; liên kết giữa các bên là các trang trại - doanh nghiệp - nhà khoa học - ngân hàng nhằm thúc đẩy phát triển trang trại.

- Xây dựng chương trình bảo hiểm cho hoạt động của các trang trại .

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch

6.1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch. Xây dựng kế hoạch triển khai phổ biến quy hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo quá trình thực hiện quy hoạch thường niên cho UBND tỉnh, kịp thời bổ sung các giải pháp, không ngừng đổi mới góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế trang trại.

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đến các chủ trang trại, hướng dẫn phòng ngừa dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi định kỳ. Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, tổ chức các lớp đào tạo nghề và kỹ năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các trang trại.

6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh các chính sách phát triển kinh tế trang trại.

6.3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở kế hoạch và đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn bố trí ngân sách phù hợp thực hiện dự án.

6.4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, nắm bắt tình hình sử dụng đất nông nghiệp, phân bố quỹ đất phù hợp cho định hướng phát triển trang trại; hướng dẫn các thủ tục về thu hồi đất, cấp đất, cho thuê đất theo quy định.

6.5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở NN&PTNT xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và hỗ trợ các trang trại về ứng dụng khoa học, công nghệ, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

6.6. Sở Công Thương: Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ trang trại tham gia hội chợ, hội thi nông sản hàng hóa; xây dựng thương hiệu nông sản hàng hóa. Đồng thời, hỗ trợ các trang trại trong xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

6.7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Triển khai, phổ biến thực hiện phát triển quy hoạch, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế trang trại phù hợp với địa phương; thực hiện gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, các cá nhân, các nhà đầu tư tham gia sản xuất với hình thức trang trại. Kiểm tra, giám sát trực tiếp quá trình phát triển của các trang trại.

6.8. Các tổ chức tín dụng đóng trên địa bàn tỉnh

Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay theo quy định, niêm yết công khai đối tượng được vay, đối tượng phải bảo lãnh theo quy định, đơn giản các quy trình, thủ tục vay vốn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ trang trại được vay vốn phát triển kinh tế trang trại.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này là căn cứ thực hiện xây dựng và phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các cấp, các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Quy hoạch theo đúng tiến độ đặt ra.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức công bố Quy hoạch theo quy định; phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch và quản lý Quy hoạch; kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng phát triển trang trại theo Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

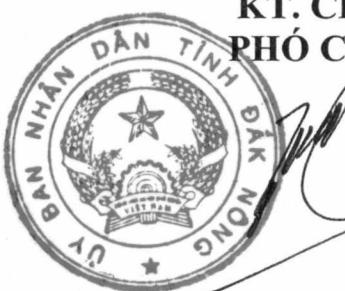
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đăk Nông; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng chuyên môn (theo dõi);
- Lưu: VT, TH, NN, KTKH-VB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

